



# Compressor Oil EP VDL

## Dầu máy nén khí pít tông

Bảng dữ liệu sản phẩm

### Ưu điểm

#### Giảm bảo trì và thời gian ngừng máy

Tính năng ổn định ô xy hóa cao giúp giảm thiểu sự hình thành cặn bám có hại tại các vùng quan trọng như van xả nhằm duy trì hiệu năng của máy nén khí trong điều kiện vận hành khắc nghiệt. Phụ gia chống ăn mòn hữu hiệu giúp chống rỉ do ẩm theo không khí gây ra, đặc biệt là trong thời gian dừng máy.

#### Bền nhiệt và bền ô xy hóa

Tính năng ổn định ô xy hóa cao cũng giúp chống lại sự phân hủy dầu ở nhiệt độ đầu ra cao trong các ứng dụng cho máy nén có các-te dầu.

#### Hoạt động êm

Tính năng chống tạo bọt hữu hiệu của dầu gốc tinh lọc kỹ và hệ phụ gia ức chế giúp hạn chế sự gián đoạn bôi trơn do không khí xâm nhập gây ra và giảm thiểu hiện tượng tạo bọt và tràn dầu tại thùng chứa dầu.

### Ứng dụng

**Compressor Oil EP VDL** được khuyến nghị sử dụng cho:

- Các máy nén khí pít tông đơn cấp và đa cấp, các máy nén ly tâm và máy nén trục vít bôi trơn ngập dầu, vận hành với nhiệt độ cao tới 220°C
- Máy nén không khí hoặc khí trơ kiểu pít tông
- Máy nén khí tĩnh tại, di động hoặc bán di động

Không dùng trong máy nén cung cấp khí để thở Không dùng cho các máy nén cung cấp khí để thở.

### Đặc tính sản phẩm:

- **Compressor Oil EP VDL** là nhớt gốc khoáng hiệu năng cao, được pha chế đặc biệt cho các điều kiện vận hành khắc nghiệt.
- **Compressor Oil EP VDL** được pha chế với công nghệ phụ gia tiên tiến mang lại tính năng chống ô xy hóa ổn định ở nhiệt độ cao để giảm thiểu cặn bám pít tông và van, cùng với các tính năng chống rỉ, chống tạo bọt và chịu cực áp siêu việt.



# Compressor Oil EP VDL

## Dầu máy nén khí pít tông

### Bảng dữ liệu sản phẩm

#### Thông số kỹ thuật

COMPRESSOR OIL EP VDL CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH					
Cấp độ nhớt ISO	32	46	68	100	150
Mã sản phẩm	540585	540586	540587	540588	540589
Chỉ số a-xít, D974, mg KOH/g	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
Cặn các-bon sau lão hóa, DIN 51352 Phần 2, % KL	1.3	1.9	2.3	2.3	2.3
Điểm chớp cháy cốc hở, °C	224	234	244	248	286
Điểm rót chảy, °C	-27	-24	-18	-12	-12
Độ nhớt,					
mm <sup>2</sup> /s ở 40°C	32	46	68	100	150
mm <sup>2</sup> /s ở 100°C	5.4	6.9	8.9	11.0	14.6
Chỉ số độ nhớt	105	102	101	97	95

1201

#### Các tiêu chuẩn hiệu năng

- Đạt các yêu cầu xét nghiệm của Tiêu chuẩn Đức DIN 51506, Nhóm VDL
- Dầu Compressor Oil EP VDL 100 được khuyến nghị bởi:
  - Tanabe để sử dụng cho các loại máy nén khí pít-tông
  - Sperre cho máy nén khí pít-tông Classic 30 bar
- Dầu Compressor Oil EP VDL 100 phù hợp cho máy nén khí Teikoki
- Dầu Compressor Oil EP VDL 100 cũng phù hợp cho máy nén khí Hatlapa và Hamworthy

#### MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web: [www.caltexoils.com](http://www.caltexoils.com).

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

**Chevron Lubricants**

- Châu Á Thái Bình Dương